

Bản án: 812/2017/KDTM-PT
Ngày: 07 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Biện Thị Hoa**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thu Chinh**
Bà **Vũ Thị Thu Hà**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hiền** - cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Châu Hiệp Phát** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2016, về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 50/2016/KDTM-ST ngày 18/7/2016 của Tòa án nhân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 647/2017/QĐXX-PT ngày 10 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư phát triển thương mại V (gọi tắt là Công ty V).

Trụ sở: A 08 Trường S, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh Minh - giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị Thu H (có mặt)
(Theo văn bản ủy quyền ngày 16/11/2016).

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ du lịch K (gọi tắt là Công ty K)

Trụ sở: 198 đường M, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Liêu L (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Ngọc Chiêu H, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: 222F Trần Hưng Đ, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Dương Văn P, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: 188 đường P, Phường N, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau :

Trong đơn khởi kiện ngày 19/9/2013 và bản tự khai ngày 19/11/2013, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Công ty V trình bày:

Từ tháng 9/2011, Công ty K có giao dịch với Công ty V cung ứng vé máy bay cho Công ty K. Trong thời gian đầu, giao dịch mua bán thanh toán đúng hạn định. Tuy nhiên, đến đầu năm 2012, Công ty K còn thiếu Công ty V số tiền 200.007.384 đồng, nay yêu cầu Công ty K thanh toán số tiền gốc là 200.007.384 đồng và lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 17/7/2012 đến ngày xét xử 18/7/2016 là 48 tháng; lãi suất 13,5%/năm, thành tiền là: 108.003.987 đồng; Tổng cộng cả vốn và lãi là 308.011.371 đồng; thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện cho Công ty K là ông Đỗ Hoàng D trình bày:

Ông D xác định Công ty K không giao dịch, ký kết hợp đồng dịch vụ cung ứng vé máy bay với Công ty V. Cuối tháng 09/2011, Công ty K có khách giao dịch đặt vé máy bay thì Công ty K liên hệ với Công ty V xuất vé và thanh toán đầy đủ sau khi nhận vé. Đầu năm 2012, Công ty K ngưng giao dịch với Công ty V. Việc Công ty V đưa bằng chứng phân xác nhận của khách hàng ngày 14/2/2012 do kế toán trưởng Phan Ngọc Chiêu H ký tên đóng dấu có số dư tại ngày 31/12/2011 là 439.050.508 đồng là không đúng; do bà Hoàng không phải kế toán của Công ty K. Mặt khác, Công ty K cũng không ký hợp đồng lao động với bà Hoàng.

Xác nhận công nợ và thanh toán ngày 17/7/2012 giữa hai Công ty V và Công ty K; Đại diện Công ty K do ông Dương Văn P chức vụ: Phó Giám đốc xác nhận số tiền nợ: 200.007.384 đồng là không đúng; ông P không phải là người được ủy quyền của Công ty K, nếu ông P và Công ty V xác nhận là giao dịch giữa ông P với Công ty V. Do đó, yêu cầu quý Tòa bác yêu cầu của nguyên đơn vì không có căn cứ khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Ngọc Chiêu H xác nhận số dư cho mục đích kiểm toán ngày 2/2/2012 về việc phân xác nhận của khách hàng có chữ viết và chữ ký là giả tạo; không phải chữ viết và chữ ký của bà Phan Ngọc Chiêu H.

Ông Dương Văn P không biết giao dịch hợp đồng mua vé máy bay giữa Công ty V và Công ty K. Ông P cũng không được ủy quyền ký xác nhận công nợ mà chỉ ký giùm mang tính chất cá nhân để hoàn tất thủ tục hành chính nội bộ của Công ty V.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung giải quyết vụ án: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 50/2016/KDTM-ST ngày 18/7/2016 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư phát triển thương mại V (nguyên đơn) đòi Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ du lịch K (bị đơn) thanh toán số tiền 308.011.371 đồng (ba trăm lẻ tám triệu không trăm mười một ngàn ba trăm bảy mươi một đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 29/7/2016, Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Con Đường Việt có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Trương Thị Thu H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Số tiền công nợ 200.007.384 đồng mà Công ty V yêu cầu Công ty K thanh toán có nguồn gốc từ công văn xác nhận công nợ 439.050.508 đồng ngày 14/02/2012 và số tiền phát sinh thêm 143.949.876 đồng từ sau khi xác nhận nợ giữa hai công ty. Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các giấy báo có của Ngân hàng TMCP N, tổng cộng số tiền Công ty K đã thanh toán cho Công ty V theo các giấy báo có này là 382.993.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như không xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét trách nhiệm liên quan việc sử dụng con dấu của Công ty K trong văn bản xác nhận công nợ của bà Phan Ngọc Chiêu H.

Ngoài ra, nguyên đơn đã cung cấp các hóa đơn mà Công ty V đã xuất cho Công ty K với tư cách là đại lý của hãng hàng không Việt Nam Airline nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét chưa đầy đủ các hóa đơn này. Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập các khách hàng mua vé máy bay cũng như không thu thập chứng cứ là các thông tin về việc Công ty K có khai thuế các hóa đơn trên tại Chi cục Thuế Quận T để làm rõ quan hệ mua bán giữa hai công ty và công nợ của hai bên.

- Ông Đỗ Hoàng D đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày: Chúng tôi không giao dịch mua bán vé máy bay với Công ty V, con dấu trên công văn xác nhận công nợ không phải con dấu của công ty K. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 56.057.508 đồng, không chấp nhận đối với số tiền 143.949.876 đồng phát sinh sau khi các bên đã đối chiếu công nợ, ngoài ra bị đơn phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, sau khi thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn luật định, nên chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Xét bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Phan Ngọc Chiêu H và ông Dương Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ tại Chi cục Thuế Quận T, TPHCM: Ngày 26/7/2017, Tòa án có Quyết định gửi Chi cục Thuế Quận T yêu cầu cung cấp chứng cứ là các báo cáo thuế quý 1 năm 2012, sổ kế toán, tài khoản 331 năm 2012, bảng trả lương cho người lao động năm 2012 của Công ty K.

Ngày 14/8/2017, Chi cục Thuế Quận T có công văn số 3577/CV-CCT trả lời với nội dung Công ty K không gửi các hồ sơ nêu trên đến Chi cục Thuế Quận T nên Chi cục Thuế Quận T không có hồ sơ để cung cấp cho Tòa án.

Xét đối với văn bản xác nhận nợ do Công ty V lập ngày 02/02/2012, được kế toán trưởng Công ty K ký tên và đóng dấu xác nhận của Công ty K ngày 14/02/2012. Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật của Công ty K không thừa nhận con dấu trong văn bản là của công ty K.

Do đó, ngày 13/02/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 89/2017/QĐ-TCGD gửi Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an Thành phố Hồ Chí Minh – PC54 để trưng cầu giám định con dấu trong văn bản xác nhận nợ do Công ty V lập ngày 02/02/2012 và được kế toán trưởng Công ty K ký, đóng dấu xác nhận của Công ty K ngày 14/02/2012. Tại bản kết luận giám định số 354/KLGD-TT ngày 03/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an Thành phố Hồ Chí Minh – PC54 đã kết luận: “hình dấu tròn có nội dung trên tài liệu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên 02 (hai) tài liệu mẫu do cùng một con dấu đóng ra”. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định con dấu trong văn bản xác nhận công nợ ngày 14/02/2012 là con dấu của công ty K.

Theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu quy định: “Con dấu thể hiện vị trí pháp lý và khẳng định giá trị pháp lý đối với các văn bản, giấy tờ của các cơ quan, tổ chức và các chức danh nhà nước”. Do đó, xét thấy Công ty K phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Công văn xác nhận công nợ đã được đóng dấu của công ty.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ trên kết luận giám định số 1783/C54B ngày 30/9/2014 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, phiếu xác nhận công nợ và thanh toán ngày 17/02/2012 giữa Công ty K và Công ty V, bản tự khai ngày 23/6/2016 để kết luận giữa Công ty K và Công ty V không có giao dịch là chưa đủ cơ sở. Việc tòa án sơ thẩm chưa tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại bản xác nhận nợ ngày 14/02/2012 thì Công ty K còn nợ Công ty V 439.050.508 đồng. Tuy nhiên, căn cứ các giấy báo có của Ngân hàng TMCP N từ ngày 04/01/2012 đến ngày 16/04/2012 do nguyên đơn cung cấp, Công ty K đã thanh toán được 382.993.000 đồng. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 56.057.508 đồng. Đối với kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 143.949.876 đồng là khoản tiền mua bán vé máy bay phát sinh sau khi các bên xác nhận nợ vào ngày 14/02/2012. Hội đồng xét xử xét thấy: Do số tiền 143.949.876 đồng chưa được các bên đối chiếu công nợ đồng thời phía bị đơn không thừa nhận khoản nợ phát sinh này. Mặt khác, nguyên đơn cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 143.949.876 đồng.

Xét đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc lãi suất lãi suất 13,5%/năm, thành tiền, Hội đồng xét xử xét thấy: Điều 306, Luật Thương mại năm 2005 quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Như vậy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Số tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc 56.057.508 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 86.328.562 đồng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc Công ty K thanh toán cho Công ty V số tiền nợ gốc và lãi là 86.328.562 đồng.

Về chi phí giám định: Việc trưng cầu giám định là cần thiết để giải quyết vụ án, do đó Công ty K có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí giám định tại Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an TPHCM – PC 54.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Công ty K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Công ty V.

Công ty V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên.

Áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 30, 35, 147, 170, 177, 182, 228, 266 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 ;

- Căn cứ các Điều 24, 34, 51, Điều 317, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm:

I. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

- Buộc Công ty TNHH Dịch vụ du lịch K phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi là **86.328.562 đồng** cho Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại V.

- Công ty TNHH dịch vụ du lịch K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại V lệ phí giám định là **2.550.000 đồng**.

Thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại V có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH dịch vụ du lịch K chưa trả hết

các khoản tiền trên, thì Công ty TNHH dịch vụ du lịch K còn phải trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2. Về án phí :

- Công ty TNHH dịch vụ du lịch K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.443.928 đồng.

- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.084.140 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.788.000 đồng theo biên lai thu số 02485 ngày 01/11/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, TPHCM, Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại V còn phải nộp thêm 5.296.140 đồng.

- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại 200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001734 ngày 29/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Biện Thị Hoa